

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20 /NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025
thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 22**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của
Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục
tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày
19 tháng 4 năm 2022 Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương
trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của
Thủ tướng Chính phủ về Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn
ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện
chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền
vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn
vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về việc phân bổ ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025
cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện 03 chương trình mục
tiêu quốc gia;*

*Xét Tờ trình số 38/TTr-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn*

2021 - 2025 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững nguồn vốn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh, với số kế hoạch vốn điều chỉnh là 15,142 tỷ đồng (gồm ngân sách Trung ương là 13,167 tỷ đồng và ngân sách tỉnh là 1,975 tỷ đồng).

(Chi tiết như các Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 22 thông qua ngày 05 tháng 4 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua.
2. Các nội dung khác tại Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững nguồn vốn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh không điều chỉnh tại Nghị quyết này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành./.

CHỦ TỊCH

Bùi Thị Quỳnh Vân

Phụ lục I**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG****Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh***(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 05/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Đầu mối giao kế hoạch/Tên dự án	Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025 đã giao			Luỹ kế vốn đã giao đến năm 2024			Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh							Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Ngân sách Trung ương			Ngân sách tỉnh				
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó			
										Tăng	Giảm		Tăng	Giảm		
	TỔNG SỐ	586.585	512.206	74.379	465.914	420.389	45.525	586.585	512.206	13.167	13.167	74.379	1.975	1.975		
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	455.926	414.478	41.448	385.729	350.663	35.066	455.926	414.478	0	0	41.448	0	0		
1.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi	455.926	414.478	41.448	385.729	350.663	35.066	455.926	414.478	0	0	41.448	0	0		

	ngang, ven biển và hải đảo														
*	Hoạt động 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	406.426	369.478	36.948	346.129	314.663	31.466	406.426	369.478	0	0	36.948	0	0	
-	Huyện Sơn Tây	192.128	174.662	17.466	163.624	148.750	14.875	192.128	174.662	0	0	17.466	0	0	
-	Huyện Trà Bồng	214.298	194.816	19.482	182.504	165.913	16.591	214.298	194.816	0	0	19.482	0	0	
*	Hoạt động 2: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	49.500	45.000	4.500	39.600	36.000	3.600	49.500	45.000	0	0	4.500	0	0	
-	Huyện Lý Sơn	49.500	45.000	4.500	39.600	36.000	3.600	49.500	45.000	0	0	4.500	0	0	
2	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm và nhà ở	112.387	97.728	14.659	80.186	69.726	10.460	112.387	97.728	13.167	13.167	14.659	1.975	1.975	
2.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	94.947	82.563	12.384	74.462	64.749	9.713	90.247	78.476	0	4.087	11.771	0	613	
-	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	94.947	82.563	12.384	74.462	64.749	9.713	90.247	78.476	0	4.087	11.771	0	613	Chi tiết tại Phụ lục II

2.2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	17.440	15.165	2.275	5.724	4.977	747	6.998	6.085	0	9.080	913	0	1.362	
-	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	17.440	15.165	2.275	5.724	4.977	747	6.998	6.085	0	9.080	913	0	1.362	Chi tiết tại Phụ lục II
2.3	Chưa phân khai	0	0	0	0	0	0	15.142	13.167	13.167	0	1.975	1.975	0	
3	Chưa phân khai	18.272	0	18.272	0	0	0	18.272	0	0	0	18.272	0	0	Dự phòng đổi ứng cho các huyện thoát nghèo khi được TW bố trí vốn

Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm và nhà ở
Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 05/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Đầu mối giao kế hoạch/Tên dự án	Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025 đã giao			Luỹ kế vốn đã giao đến năm 2024		
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:	
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh
	TỔNG SỐ	586.585	512.206	74.379	465.914	420.389	45.525
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	455.926	414.478	41.448	385.729	350.663	35.066
1.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	455.926	414.478	41.448	385.729	350.663	35.066
*	Hoạt động 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	406.426	369.478	36.948	346.129	314.663	31.466
-	Huyện Sơn Tây	192.128	174.662	17.466	163.624	148.750	14.875
-	Huyện Trà Bồng	214.298	194.816	19.482	182.504	165.913	16.591
*	Hoạt động 2: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	49.500	45.000	4.500	39.600	36.000	3.600
-	Huyện Lý Sơn	49.500	45.000	4.500	39.600	36.000	3.600

2	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm và nhà ở	112.387	97.728	14.659	80.186	69.726	10.460
2.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	94.947	82.563	12.384	74.462	64.749	9.713
-	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	94.947	82.563	12.384	74.462	64.749	9.713
2.2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	17.440	15.165	2.275	5.724	4.977	747
-	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	17.440	15.165	2.275	5.724	4.977	747
2.3	Chưa phân khai	0	0	0	0	0	0
3	Chưa phân khai	18.272	0	18.272	0	0	0

STT	Đầu mối giao kế hoạch/Tên dự án	Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh							Ghi chú	
		Tổng số	Ngân sách Trung ương				Ngân sách tỉnh			
			Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó			
				Tăng	Giảm		Tăng	Giảm		
	TỔNG SỐ	586.585	512.206	13.167	13.167	74.379	1.975	1.975		
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	455.926	414.478	0	0	41.448	0	0		
1.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	455.926	414.478	0	0	41.448	0	0		
*	Hoạt động 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	406.426	369.478	0	0	36.948	0	0		
-	Huyện Sơn Tây	192.128	174.662	0	0	17.466	0	0		
-	Huyện Trà Bồng	214.298	194.816	0	0	19.482	0	0		
*	Hoạt động 2: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	49.500	45.000	0	0	4.500	0	0		
-	Huyện Lý Sơn	49.500	45.000	0	0	4.500	0	0		
2	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm và nhà ở	112.387	97.728	13.167	13.167	14.659	1.975	1.975		
2.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	90.247	78.476	0	4.087	11.771	0	613		

-	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	90.247	78.476	0	4.087	11.771	0	613	Chi tiết tại Phụ lục II
2.2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	6.998	6.085	0	9.080	913	0	1.362	
-	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	6.998	6.085	0	9.080	913	0	1.362	Chi tiết tại Phụ lục II
2.3	Chưa phân khai	15.142	13.167	13.167	0	1.975	1.975	0	
3	Chưa phân khai	18.272	0	0	0	18.272	0	0	Dự phòng đối ứng cho các huyện thoát nghèo khi được TW bố trí vốn